

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18-6-2025

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin;
2. Bà Trần Thị Đồi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 393/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Trần Thị Yến N, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Ông P có đơn đề nghị vắng mặt, bà N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 01/4/2025, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P trình bày: ông P và bà N có tìm hiểu nhau và sau đó đi đến hôn nhân. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 12/8/2020. Thời gian đầu chung sống vợ chồng tương đối hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong hôn nhân, tình cảm rạn nứt, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả.

Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì quan hệ hôn nhân nên ông P khởi kiện yêu cầu:

Về tình cảm: Ông Nguyễn Thanh P yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Yến N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 24/4/2020, con đang sống với ông P. Khi ly hôn, ông P yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Trần Thị Yến N vắng mặt trong quá trình thụ lý giải quyết và vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng cho bà Trần Thị Yến N theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà N biết Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn với ông P nhưng bà N không tham gia cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bà Trần Thị Yến N vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết theo đơn khởi kiện của ông P và xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông P biện việc nên có đơn đề nghị xử vắng mặt. Tòa án quyết định xử vắng mặt nguyên đơn quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Thanh P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Yến N có địa chỉ cư trú tại ấp A xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Thanh P biện việc nên có đơn đề nghị xử vắng mặt; bà Trần Thị Yến N vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp theo qui định khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về tình cảm: Xét quan hệ hôn nhân ông P, bà N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 12/8/2020 nên hôn nhân giữa ông P với bà N là hợp pháp theo qui định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của ông P đối với bà N: ông P cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống và công việc, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Nay ông P thấy tình nghĩa vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Tòa án đã tiến hành tổng đạt cho bà Trần Thị Yến N, bà N biết Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn với ông P nhưng bà N không tham gia cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải cho thấy bà N không có thiện chí hàn gắn. Từ đó, Hội đồng xét xử xét hôn nhân giữa ông Nguyễn Thanh P với bà Trần Thị Yến N đã mâu thuẫn trầm trọng nên ông P yêu cầu xin ly hôn với bà N là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Ông P trình bày trong quá trình chung sống giữa ông P với bà N có 01 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 24/4/2020, con chung đang sống với

ông P. Khi ly hôn, ông P yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, con chung Nguyễn Thanh T đang chung sống ổn định với ông P. Bà Trần Thị Yến N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày đối với vấn đề con chung. Do đó, Hội đồng xét xử thấy ông P yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là phù hợp quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[2.3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông P không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con, không trái với các qui định tại các Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX ghi nhận.

[2.4]. *Về tài sản chung*: ông P xác định không có, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5]. *Về nợ chung*: ông P xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bà Trần Thị Yến N vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về tình cảm, con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa ông P và bà N có phát sinh tranh chấp về con chung, cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung thì các bên được quyền khởi kiện để giải quyết trong một vụ án khác.

[3]. *Về án phí*: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Buộc nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P phải chịu án phí ly hôn sung Ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Thanh P đối với bà Trần Thị Yến N.

Ông Nguyễn Thanh P được ly hôn với bà Trần Thị Yến N.

2. Về con chung: Khi ly hôn, ông Nguyễn Thanh P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 24/4/2020 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Yến N không phải cấp dưỡng nuôi con vì ông Nguyễn Thanh P không yêu cầu.

4. Về quyền chăm sóc con chung: Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

5. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thanh P trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

6. Về nợ chung: Ông Nguyễn Thanh P trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

7. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh P phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước, khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí ông P đã nộp theo biên lai số 0006471 ngày 01/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang án phí để thi hành. Ông Nguyễn Thanh P đã nộp xong.

8. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Linh Duy

